

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HBC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HBC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HBC VIET NAM TECHNOLOGIES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HBC TECH., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107591718

3. Ngày thành lập: 10/10/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

BT7-03, khu đô thị Chúc năng Xuân Phương Viglacera, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936991155

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
3.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
4.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
5.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
6.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
7.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
8.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
9.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
10.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
11.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
12.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
13.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
14.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392

15.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; - Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; - Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đặc cố định trong nhà cách điện bằng gốm; - Sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hoá học và các sản phẩm công nghiệp; - Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hoá; - Sản xuất đồ nội thất bằng gốm;	2393
16.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
17.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu chi tiết: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng... - Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đó với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô; - Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện). - Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện); - Sản xuất các sản phẩm từ asphalt và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính asphalt, xỉ than;	2399
18.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (loại nhà nước cho phép)	0722
19.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (loại nhà nước cho phép)	0730
20.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
21.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
22.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu chi tiết: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
25.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

26.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
27.	In ấn	1811
28.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
29.	Sao chép bản ghi các loại (loại nhà nước cho phép)	1820
30.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
31.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
32.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết: - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni;	4663
33.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	4669
34.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
35.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
36.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
38.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
39.	Xuất bản phần mềm	5820
40.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911

41.	Hoạt động hậu kỳ	5912
42.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình chi tiết: - Phát hành phim, băng video, đĩa DVD-s (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5913
43.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc chi tiết: Hoạt động ghi âm (loại nhà nước cho phép)	5920
44.	Hoạt động viễn thông khác chi tiết: Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng	6190
45.	Lập trình máy vi tính	6201
46.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
47.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209(Chính)
48.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
49.	Cổng thông tin	6312
50.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	6329
51.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
52.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
53.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
54.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
55.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
56.	Xây dựng nhà các loại	4100
57.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
58.	Xây dựng công trình công ích	4220
59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
60.	Phá dỡ	4311
61.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
62.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
63.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
64.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
65.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
66.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
67.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác chi tiết: - Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, ô tô vận tải	4511
68.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
69.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
70.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

71.	Đại lý, môi giới, đấu giá chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
72.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại nhà nước cho phép)	4620
73.	Bán buôn gạo	4631
74.	Bán buôn thực phẩm	4632
75.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
76.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
77.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
78.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
80.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4773
81.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
82.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
83.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
84.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại nhà nước cấm)	8299
86.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
87.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551

88.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu chi tiết: - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;	8559
89.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
90.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	9329
91.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
92.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
93.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
94.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Lập dự án, quản lý dự án các công trình: dân dụng, giao thông, công nghiệp, thuỷ lợi, điện Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
95.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
96.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
97.	Quảng cáo (loại nhà nước cho phép)	7310
98.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (loại nhà nước cho phép)	7320
99.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
100.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
101.	Cho thuê xe có động cơ chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
102.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
103.	Đại lý du lịch	7911
104.	Điều hành tua du lịch	7912
105.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
106.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
107.	(đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HỒNG CHUYỀN	Số 9, tổ 22, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	026091000680	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		
2	LÊ THỊ VÂN ANH	Nhà A2, Tập thể Hồ cá Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	80,000	012714588	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	80,000		
3	NGUYỄN XUÂN HUY	Tổ dân phố Miêu Nha 1, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	026084000044	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 12/08/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 026084000044

Ngày cấp: 07/10/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố Miêu Nha 1, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 1701, toà nhà OCT2, khu đô thị chức năng Xuân Phương Viglacera, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội